

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2068 /SYT-VP
Về việc triển khai Kế hoạch số
1331/KH-UBND, ngày
22/6/2022 về triển khai thực
hiện Quyết định số 411/QĐ-
TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ
tướng Chính phủ.

Gia Lai, ngày 27 tháng 6 năm 2022

Kính gửi:

- Các đơn vị điều trị trực thuộc Sở;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở.

Thực hiện Kế hoạch số 1331/KH-UBND, ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nhằm triển khai sử dụng các nền tảng số quốc gia và phát triển các nền tảng số của địa phương để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sử dụng các nền tảng số quốc gia sẵn có để tạo hạ tầng nền tảng, đồng bộ, tạo hệ sinh thái chuyển đổi số nhanh và hiệu quả, phát huy được sức mạnh tổng thể, tránh việc triển khai phân tán, rời rạc, sử dụng trùng lặp nhiều giải pháp khác nhau.

Sở Y tế đề nghị các đơn vị điều trị trực thuộc Sở chỉ đạo các phòng/ban chuyên môn liên quan tổ chức triển khai thanh toán không dùng tiền mặt theo tinh thần chỉ đạo tại Chỉ thị số 12/CT-BYT, ngày 02/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc đẩy mạnh triển khai thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt và Kế hoạch số 1331/KH-UBND, ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh.

(Gửi kèm hiện Kế hoạch số 1331/KH-UBND, ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh)

Nhận được Công văn này, đề nghị các đơn vị điều trị trực thuộc Sở và các phòng chuyên môn thuộc Sở tổ chức triển khai và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Sở TT&TT (Báo cáo);
- Ban Giám đốc Sở (Theo dõi);
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Tuấn

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022
của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia
phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch triển khai trên địa bàn tỉnh Gia Lai với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

Triển khai sử dụng các nền tảng số quốc gia và phát triển các nền tảng số của địa phương để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Sử dụng các nền tảng số quốc gia sẵn có để tạo hạ tầng nền tảng, đồng bộ, tạo hệ sinh thái chuyển đổi số nhanh và hiệu quả, phát huy được sức mạnh tổng thể, tránh việc triển khai phân tán, rời rạc, sử dụng trùng lặp nhiều giải pháp khác nhau.

1. Phát triển kinh tế số:

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025:

- Tỷ trọng kinh tế số chiếm tối thiểu 20% GRDP của tỉnh;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030:

- Tỷ trọng kinh tế số chiếm tối thiểu 30% GRDP của tỉnh;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

2. Phát triển xã hội số:

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025:

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030:

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện

được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%;

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 95%.

II. PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ

1. Hoàn thiện thể chế:

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số; chú trọng xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực.

- Nghiên cứu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức triển khai khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sand box) theo hướng dẫn của Trung ương đối với các dịch vụ số mới, mô hình kinh doanh kinh tế số mới chưa được pháp luật quy định rõ ràng.

2. Phát triển hạ tầng:

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân. Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, làng, khu vực dân sinh trên địa bàn tỉnh; tăng tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng. Phát triển nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

3. Phát triển nền tảng số:

- Các sở, ban, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy, phát triển nền tảng số quốc gia theo các kế hoạch, hướng dẫn của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương.

- Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh, xác định các nền tảng số quốc gia dùng chung trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

4. Phát triển dữ liệu số:

Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh, kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu trong ngành, lĩnh vực, địa phương vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

5. Đảm bảo an toàn thông tin mạng và an ninh mạng:

- Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số; cung cấp dịch vụ số được bảo đảm sẵn về an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản.

- Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp.

6. Phát triển nhân lực số:

- Tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, robotic, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotic để triển khai.

- Tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch số 555/KH-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

7. Phát triển kỹ năng số, công dân số và văn hóa số:

- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.

- Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số, mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số, và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số. Đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

- Triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số.

8. Phát triển doanh nghiệp số:

- Triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp phục vụ cho các doanh nghiệp, kết quả đánh giá chỉ số mức độ chuyển đổi số là thước đo về hiệu quả của các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Nghiên cứu, xây dựng các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp nỗ lực tăng mức độ chuyển đổi số.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số đã được UBND tỉnh ban hành theo Kế hoạch số 1609/KH-UBND ngày 22/10/2021 về việc phát triển doanh nghiệp công nghệ số giai đoạn 2021-2025 và định hướng năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

9. Phát triển thanh toán số:

- Tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến

năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức triển khai hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

III. PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ TRONG CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC, ĐỊA PHƯƠNG

1. Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, chuyển dịch từ sản xuất truyền thống sang kinh tế số ngành, chuyển đổi số mạnh mẽ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ đầu tư phục vụ ngành, lĩnh vực; phát triển các nền tảng số ngành phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp và người dân.

2. Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh đóng vai trò nòng cốt và người dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất, kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho doanh nghiệp và người dân.

3. Xây dựng, tổ chức triển khai nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành; kết nối, liên kết giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp và chính phủ, giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước; tạo môi trường hình thành các dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, tạo điều kiện khai thác hiệu quả hệ sinh thái kinh doanh trên không gian mạng.

4. Tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy:

- Kiện toàn và tổ chức hiệu quả hoạt động Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh.
- Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng khối phố, thôn, làng với các tổ viên là cán bộ kiêm nhiệm và các thành viên tại chỗ năng nổ, nhiệt tình, được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Việt Nam”, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ trên toàn tỉnh.

2. Hợp tác trong và ngoài nước:

- Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào địa phương phù hợp với nội dung Chiến lược.
- Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức, triển khai các sáng kiến về kinh tế số, xã hội số, xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới

về công nghệ số phù hợp với mục tiêu và lợi ích của tỉnh và Việt Nam.

- Thực thi nghiêm túc, hiệu quả các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, trong đó có các cam kết liên quan đến kinh tế số, thương mại số và đặc biệt là trong xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên (ASEAN+1, FTAs, RCEP, CPTPP, EVFTA).

3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế số và xã hội số:

- Tham dự các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, các sự kiện, triển lãm trong nước và quốc tế về phát triển kinh tế số, xã hội số Việt Nam và kết quả thực hiện các nội dung của Chiến lược; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội, giới thiệu về đất nước, con người, văn hóa, du lịch Việt Nam ở trong nước và nước ngoài.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ trung ương đến cơ sở. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

4. Đo lường, giám sát triển khai:

Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Chiến lược này tại địa phương.

5. Kinh phí thực hiện:

- Kinh phí thực hiện Chiến lược này bao gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược để phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Ưu tiên kinh phí từ ngân sách để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp, dự án thuộc Chiến lược này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi Chiến lược được giao cho địa phương chủ trì. Trong đó:

+ Nguồn kinh phí đầu tư chi để thực hiện các nhiệm vụ, dự án: Đầu tư xây dựng các hệ thống thông tin, nền tảng số, mua sắm phần cứng, phần mềm, công nghệ, trang thiết bị và xây dựng các cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số;

+ Nguồn kinh phí thường xuyên chi để thực hiện chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ: Nghiên cứu, xây dựng thể chế, chính sách; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; điều tra, khảo sát, thống kê, đo lường, đánh giá chỉ số phát triển, ảnh hưởng tác động; thuê, mua sử dụng, thúc đẩy phát triển các nền tảng số; tạo lập, cập nhật, lưu trữ và chia sẻ, sử dụng dữ liệu số; đảm bảo an toàn thông tin mạng; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực số, kỹ năng số, công dân số, văn

hóa số; hỗ trợ, tư vấn chuyển đổi số doanh nghiệp; thông tin, tuyên truyền; duy trì, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số; các nhiệm vụ khác thuộc Chiến lược có tính chất chi thường xuyên. Khuyến khích, ưu tiên sử dụng nguồn chi thường xuyên thuê, mua sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số, hệ thống thông tin thay vì đầu tư xây dựng.

- Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, đào tạo bố trí kinh phí từ ngân sách tự chủ của mình để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao thuộc Chiến lược, Kế hoạch. Các đơn vị có nguồn kinh phí được để lại theo quy định ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí này để thực hiện Chiến lược phù hợp quy định của pháp luật.

6. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế số, xã hội số:

- Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số tại tỉnh; trong đó, trọng tâm là đánh giá ảnh hưởng của công nghệ đối với các ngành, nghề và triển vọng việc làm để đưa ra phương án chuyển đổi phù hợp với chiến lược phát triển của tỉnh. Ưu tiên thực hiện chuyển đổi cho các đối tượng chịu nhiều tác động, có khả năng bị thay thế bởi máy móc nhất. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; phát triển các Trung tâm, hệ thống thông tin, dịch vụ giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo phát triển trợ lý ảo để hỗ trợ người dân 24/7 mọi lúc, mọi nơi.

- Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử; đẩy mạnh áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hướng tới một môi trường xanh và bảo vệ sức khỏe của người dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ vào Kế hoạch này, các đơn vị, địa phương chủ động triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ. Đồng thời, triển khai các nội dung sau:

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh: Chỉ đạo chung việc triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Làm đầu mối phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố, Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai, Báo Gia Lai, các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông trên địa bàn tỉnh triển khai Kế hoạch. Tham gia ý kiến về các nội dung chuyên môn thuộc lĩnh vực Thông tin và Truyền thông trong các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch.

- Theo dõi, tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả thực hiện; báo cáo hàng quý về UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, lồng ghép trong các

báo cáo về chuyển đổi số hàng năm hoặc báo cáo theo chuyên đề, báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của các cơ quan cấp trên.

- Tổng hợp, đề xuất điều chỉnh các nội dung phù hợp với các định hướng, chính sách của Trung ương và yêu cầu thực tế phát triển của tỉnh.

- Phối hợp với các ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh các giải pháp thu hút nguồn lực và các nguồn hỗ trợ từ Trung ương để thực hiện thành công Kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Tham mưu cấp có thẩm quyền đề cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các dự án của Kế hoạch này.

4. Sở Tài chính:

Hàng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán hoặc theo chỉ đạo của UBND tỉnh, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và trên cơ sở dự toán được lập theo đúng quy định của các đơn vị có liên quan, kiểm tra, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

5. Các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông trên địa bàn tỉnh: Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng khắp cả nước đáp ứng yêu cầu bùng nổ của phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, cùng với tỉnh tham gia đào tạo, hướng dẫn người dân sử dụng các kỹ năng số.

6. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ tình hình cụ thể, các cơ quan, đơn vị đưa các nội dung, nhiệm vụ trong Kế hoạch này vào nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hàng năm của mình.

- Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) gửi báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) tình hình, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- T.T. Tỉnh ủy Gia Lai (báo cáo);
- T.T. HĐND tỉnh Gia Lai;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai;
- Báo Gia Lai;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTH, KTTH, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành

PHU LỤC

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ

VÀ XÃ HỘI SỐ ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Kế hoạch số: 1331 /KH-UBND ngày 22/6 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
I	PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG CHO KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ			
1	Hoàn thiện thể chế			
1.1	Tham mưu UBND tỉnh rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật chuyên ngành cho phù hợp với sự phát triển kinh tế số, xã hội số; rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực để cụ thể hóa việc thúc đẩy giao dịch điện tử trong mọi mặt kinh tế - xã hội; xây dựng các chính sách để bảo đảm tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% tổng số hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 – 2025
1.2	Tham mưu UBND tỉnh phối hợp với Bộ, ngành xây dựng, ban hành, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực theo hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương	Sở, ban, ngành		2022 – 2025
1.3	Tham mưu UBND tỉnh xây dựng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc Chính phủ và tổ chức triển khai khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sand box) cho phép phát triển, cung cấp các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật, có thể giám sát được bằng công nghệ số, tại một số đô thị thông minh để hình thành một số trung tâm phát triển kinh tế số và xã hội số	UBND thành phố Pleiku và các địa phương triển khai đô thị thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 – 2025

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
2	Phát triển hạ tầng			
2.1	Chỉ đạo các doanh nghiệp Viễn thông đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân; phù mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, bản, khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng. Phát triển nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	2022-2025
3	Phát triển nền tảng số			
3.1	Đề xuất triển khai các nền tảng số quốc gia phù hợp nhu cầu; tích cực phối hợp phát triển và đưa các nền số quốc gia vào sử dụng. Xác định các nền tảng số của ngành, lĩnh vực, địa phương và xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để phát triển và thúc đẩy sử dụng các nền tảng số	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 – 2030
3.2	Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển cũng như xác định rõ địa vị pháp lý của các nền tảng số quốc gia trong ngành, lĩnh vực địa bàn được giao quản lý	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 – 2030
4	Phát triển dữ liệu số			
4.1	Xây dựng, phát triển Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	2022 – 2025
4.2	Triển khai, phát triển các cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chuyên đổi số	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 – 2030

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
5	Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng			
5.1	Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin mạng ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	2022 – 2030
5.2	Đầu tư, triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng phục vụ chuyển đổi số tại đơn vị, địa phương	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 – 2030
6	Phát triển nhân lực số			
6.1	Tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	2022 – 2030
7	Phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hóa số			
7.1	Hàng năm thực hiện sát hạch, đánh giá kỹ năng số của học sinh, sinh viên, công chức, viên chức, và người lao động trong các doanh nghiệp, tiến tới toàn dân và có phương án đào tạo, nâng cao kỹ năng số ở từng ngành, lĩnh vực, địa phương	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan	2022 – 2025
7.2	Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, được trang bị phương tiện số; hỗ trợ triển khai đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	2022-2030

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
7.3	Triển khai các chương trình đẩy mạnh phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số	Các Sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan	2022-2030
8	Phát triển doanh nghiệp số			
8.1	Sử dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp để làm thước đo chuyển đổi số của doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa bàn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, Hiệp hội các Doanh nghiệp tỉnh Gia Lai	2022-2030
8.2	Triển khai Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia. Có chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp nỗ lực đạt mức độ chuyển đổi số cao để hình thành các doanh nghiệp số; nhắc nhở, đôn đốc các doanh nghiệp chậm chuyển đổi số	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, Hiệp hội các Doanh nghiệp tỉnh Gia Lai	2022-2030
9	Phát triển thanh toán số			
9.1	Triển khai Chương trình hỗ trợ bệnh viện, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
II	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC, ĐỊA PHƯƠNG			
1	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, địa phương	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 - 2025
2	Triển khai, phát triển Nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực, địa phương	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 – 2025
3	Triển khai, phát triển Nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực, địa phương	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022 – 2025
4	Tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực, địa bàn	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2030
III	CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ			
1	Tổ chức, bộ máy, mạng lưới			
1.1	Tham mưu hoạt động Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	2022 – 2023
1.2	Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng ở cấp tổ dân phố, thôn, bản	UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
2	Hợp tác trong và ngoài nước về phát triển kinh tế số, xã hội số			
2.1	Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong và nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào Việt Nam	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2030
2.2	Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về kinh tế số, xã hội số, xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về công nghệ số	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2030
2.3	Thực thi nghiêm túc, hiệu quả các cam kết quốc tế, trong đó có các cam kết liên quan đến kinh tế số, thương mại số và đặc biệt là trong xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2030
3	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế số và xã hội số			
3.1	Tham dự các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, các sự kiện, triển lãm trong nước và quốc tế về phát triển kinh tế số, xã hội số Việt Nam và kết quả thực hiện các nội dung của Chiến lược; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm kinh tế - xã hội trong nước và nước ngoài	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2030
3.2	Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ trung ương đến cơ sở. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Báo Gia Lai; - Đài PTTH Gia Lai	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2030

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
3.3	Sản xuất các tin, bài, phóng sự, câu chuyện, phim tài liệu về kinh tế số, xã hội số trên phát thanh, truyền hình; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số trên các kênh có đông khán thính giả	- Báo Gia Lai; - Đài PTTH Gia Lai	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	2022 – 2030
4	Đo lường, giám sát triển khai			
4.1	Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Chiến lược này ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	2022-2030
4.2	Tham mưu UBND tỉnh Ban hành bộ tiêu chí đo lường về xã hội số và định kỳ hàng năm thực hiện điều tra, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường về xã hội số ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	2022-2030
5	Bảo đảm kinh phí cho phát triển kinh tế số và xã hội số			
5.1	Huy động tối đa các nguồn kinh phí để thực hiện Chiến lược này bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2022-2030
5.2	Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số, phát triển kinh tế số và xã hội số ngành và lĩnh vực và các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Chiến lược này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2022-2030

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
5.3	Hướng dẫn, ưu tiên chi cho chuyển đổi số, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, phân đầu tỷ lệ chi cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trong tổng chi ngân sách nhà nước cao hơn mức trung bình của thế giới	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2022-2030
6	Giảm thiểu các tác động tiêu cực của công nghệ số			
6.1	Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số ở quy mô quốc gia và từng địa phương và đề xuất các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	2022-2030
6.2	Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; phát triển các Trung tâm, hệ thống thông tin, dịch vụ giải đáp thắc mắc chuyển đổi số, kinh tế số và xã hội số và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	2022-2030